

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HSST

Ngày : 09/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông DƯƠNG HẢI LONG

2/. Ông HA TÔNG

- Thư ký phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà CAO THỊ HỒNG PHƯỢNG - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2018/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/QĐ-HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN XUÂN T. Tên gọi khác: Vy. Sinh ngày 04 tháng 5 năm 1982. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: 60 - H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chỗ ở: 60 - H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 8/12. Con ông: Nguyễn Văn H (chết); Con bà: Phan Thị V (chết). Vợ: Bùi Thị Thu H, sinh năm 1979, sinh năm. Hiện ở tại: 60 - H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 13/9/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng nghiện chất ma túy (Methamphetamine), để có ma túy sử dụng, qua bạn bè giới thiệu, T làm quen với một người tên Q (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở khu vực Chợ thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng để mua ma túy từ cuối tháng 8/2017. Ngày 10/9/2017, T đi huyện Đ và mua của Quậy 01 gói ma túy với giá 9.500.000 đồng, đem về nhà tại 60 - H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng,

phân chia thành 04 gói nhỏ và 02 gói lớn với mục đích để vừa sử dụng, vừa bán lại cho người khác kiếm lời. Sau khi phân chia, T đem 05 gói cất giấu dưới chân tủ trong phòng ngủ, còn 01 gói để trong túi quần đang mặc. Khoảng 15 giờ ngày 13/9/2017, Phạm Nhật M, tức Đ, sinh năm 1994, Hộ khẩu thường trú tại: 77 - N, Phường 6, thành phố Đ, Lâm Đồng đến tại nhà số 60 - H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng gặp T, hỏi mua một gói ma túy với giá 300.000 đồng, T đồng ý bán ma túy cho M. Khi T chuẩn bị lấy gói ma túy trong túi quần đang mặc để bán cho M thì bị Công an tỉnh Lâm Đồng phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Sau đó, qua khám xét nơi ở, T tự nguyện giao nộp thêm 05 gói ma túy đang cất giấu trong nhà.

Tại Kết luận giám định số 1233/GĐ-PC54 ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong 06 gói nilon được niêm phong gửi giám định có khối lượng 12,7814 gam là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy, nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra Nguyễn Xuân T khai nhận: Trước khi bị bắt, T đã bán ma túy cho Phạm Nhật M 03 lần vào các ngày 28/8/2017; 06/9/2017 và 11/9/2017, mỗi lần bán 01 gói với giá 400.000 đồng tại đường H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng. Bán cho Đào Phan Duy L, sinh năm 1987, Hộ khẩu thường trú tại: 34/3 - Ngô Thì N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng 02 lần vào cuối tháng 8/2017 và đầu tháng 9/2017 tại đường H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân T khai nhận bị cáo đã có hành vi mua Methamphetamine của một đối tượng tên Q, không rõ lai lịch ở thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng, sau đó tàng trữ để sử dụng và bán lại cho Phạm Nhật M 04 lần, bán lại cho Đào Phan Duy L 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 400.000 đồng/1 gói. Đến khoảng 15 giờ 30 ngày 13/9/2017, khi bị cáo chuẩn bị bán 01 gói ma túy khác cho Phạm Nhật M thì bị Công an thành phố Đ, Lâm Đồng bắt quả tang, sau đó bị cáo đã tự nguyện giao nộp 05 gói ma túy khác đã mua và tàng trữ trước đó cho cơ quan Công an với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 17/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Nguyễn Xuân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo tàng trữ 12,7814 gam Methamphetamine để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời và bị cáo đã bán cho 02 người với 07 lần mua bán, có đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng b khoản 2 điều 194;

điểm o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 09 đến 10 năm tù và phạt bổ sung từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định củ pháp luật. Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân T: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy, trong đó có Methamphetamine, một loại ma túy tổng hợp là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo mua và tàng trữ 12,7814 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận ngoài lần bán ma túy bị bắt quả tang, bị cáo còn bán 06 lần khác, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng/ gói cho hai người, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo và lời khai của Phạm Nhật M, lời khai của Đào Phạm Duy L, là những người đã mua ma túy của bị cáo để sử dụng trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Xuân T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên áp dụng điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo mua bán trái phép chất ma túy là Methamphetamine nhiều lần. Đây là tình tiết định khung tăng nặng qui định tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo qui định của Bộ luật hình sự.

Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối lỗi, tự giác giao nộp số ma túy đang cất giấu cho Cơ quan điều tra. Trong quá trình bị tạm giam bị cáo đã tự giác khai nhận ngoài lần bị bắt quả tang, bị cáo còn bán ma túy cho người khác 06 lần nữa, là hành động tự thú của bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt qui định tại điểm o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét hiện bị cáo không có việc làm, cũng không xác định được bị cáo có nguồn thu nhập gì đáng kể từ việc Mua bán trái phép chất ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng : Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm:

+ Hai phong bì đã được niêm phong, trong đựng vật chứng còn lại sau giám định và bao gói vật chứng trước khi giám định, một bình có gắn ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, một cân tiểu ly màu đen, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy;

+ Một Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân T, là giấy tờ tùy thân của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

+ Hai điện thoại di động hiệu Nokia (đã qua sử dụng), xét có liên quan đến việc liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội và số tiền 300.000 đồng là tiền sử dụng vào việc mua bán ma túy, cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] . Áp dụng điểm b khoản 2 điều 194; điểm o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2017.

[3]. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 02 phong bì đã niêm phong đựng vật chứng còn lại sau giám định và bao gói vật chứng trước khi giám định; 01 bình có gắn ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy và 01 cân tiểu ly màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân T

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và 02 điện thoại di động hiệu Nokia (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/01/2018 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

[4]. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình